

Trường.....  
Khoa.....



# TIỂU LUẬN

"Quy luật giá trị và sự vận dụng  
quy luật giá trị ở Việt Nam"



## LỜI MỞ ĐẦU

Một xã hội có những chính sách về phát triển kinh tế ngày một toàn diện và hiệu quả hơn sao cho đời sống tinh thần và vật chất của con người trong xã hội đó ngày một ổn định ,phong phú ,nhưng để có được một xã hội như vậy không phải tự nhiên mà có .Thực tế đã chứng minh rằng việc phát triển kinh tế là một việc vô cùng khó khăn ,đó là cuộc chạy đua sôi động giữa các nước trên thế giới nhằm đạt được một vị trí cao hơn trên trường quốc tế .Muốn thực hiện điều đó thì nhất quyết trong chính sách phát triển kinh tế của mỗi quốc gia đòi hỏi phải được dựa trên một nền tảng cơ sở lý thuyết vững chắc về các quy luật kinh tế ,đặc biệt là quy luật giá trị .Vì sao lại nói quy luật giá trị là quy luật quan trọng nhất ? và đối với nước ta hiện nay nền kinh tế thị trường liệu có chịu ảnh hưởng của quy luật này ? Nếu trả lời được câu hỏi trên hay nói cách khác là nghiên cứu quy luật giá trị thì ta nhận định được thực trạng của nền kinh tế Việt Nam hiện nay từ đó có được những lý luận chung về những tồn tại ,những tiến bộ ,cũng như hướng phát triển. Mặt khác tác dụng của quy luật giá trị tùy thuộc vào trình độ phát triển của lực lượng sản xuất mức độ hoàn thiện của quan hệ sản xuất XHCN và vào khả năng nhận thức vận dụng và tổ chức các hoạt động kinh tế thực tiễn của nhà nước. Hơn nữa tác dụng của quy luật giá trị là tác dụng khách quan ,khả năng con người nhận thức và vận dụng quy luật sẽ quy định tính chất tiêu cực hay tích cực mà việc vận dụng nó sẽ mang lại cho xã hội,vì vậy nghiên cứu để có thể áp dụng quy luật giá trị một cách khoa học hiệu quả tận dụng một cách tối ưu nhất những ưu điểm của nó khi tham gia vào nền kinh tế đất nước chính là mục đích của em khi chọn đề tài này – với vai trò là một thành viên tương lai của nền kinh tế việt nam.

Về mặt lý thuyết, quy luật giá trị được phát biểu như sau: “sản xuất trao đổi hàng hoá phải dựa trên cơ sở lượng giá trị hàng hoá hay thời gian lao động cần thiết“. Trên thực tế thì quy luật giá trị mang ý nghĩa đặc biệt quan trọng do mang các tính chất sau:

- + Điều tiết và lưu thông hàng hoá: trong sản xuất quy luật giá trị điều tiết việc phân phối tư liệu sản xuất và sức lao động giữa các ngành sản xuất thông qua sự biến động của giá cả hàng hoá
- + Kích thích lực lượng sản xuất phát triển: người sản xuất muốn đứng vững phải liên tục đổi mới kỹ thuật vì kỹ thuật tiên tiến thì giá trị cá biệt của hàng hoá sẽ thấp hơn giá trị xã hội của hàng hoá như vậy người sản xuất mới có lãi nhất
- + Thực hiện sự bình tuyển tự nhiên: sự tác động của quy luật giá trị bên cạnh những tích cực kể trên còn dẫn đến sự phân hoá giàu nghèo giữa những người sản xuất hàng hoá nhất là những người sản xuất nhỏ

Vì nền kinh tế Việt Nam cũng được xây dựng trên cơ sở của quy luật giá trị nên tất yếu các khía cạnh của nền kinh tế cũng mang dáng dấp của những đặc điểm trên và dù được thể hiện trực tiếp hay gián tiếp nó cũng nói lên được một phần nào đó thực trạng của quá trình vận dụng, thấy được những ưu khuyết điểm để từ đó có những phương pháp khắc phục, nhằm đạt được những hiệu quả tốt hơn trong quá trình phát triển

### ***"Quy luật giá trị và sự vận dụng quy luật giá trị ở Việt Nam"***

Trên đây là tất cả những vấn đề mà em sẽ tập trung nghiên cứu trong bài viết của mình, những nội dung đó sẽ được đề cập trong hai chương bao gồm:

- +Chương I: lý luận chung về quy luật giá trị
- +Chương II: thực tế vấn đề đó ở Việt Nam

Đề án KTCT

Cuối cùng em xin cảm ơn thầy giáo đã ra đề tài và đã hướng dẫn cho em nghiên cứu đề tài này một cách khoa học và nghiêm túc. Tuy nhiên đây là một đề tài hết sức bao quát và tổng hợp nhiều kiến thức vì vậy bà viết của em không thể tránh khỏi những thiếu sót và hạn chế. Em rất mong có được sự chỉ bảo và giúp đỡ của thầy cô. Em xin chân thành cảm ơn.

## CHƯƠNG I: **LÝ LUẬN CHUNG VỀ QUY LUẬT GIÁ TRỊ**

### 1.1 TÍNH TẤT YẾU KHÁCH QUAN VỀ QUY LUẬT GIÁ TRỊ VÀ VAI TRÒ CỦA NÓ TRONG NỀN KTTT

Thực tế lịch sử đã chứng minh , bất kỳ một sự vật hiện tượng nào ,từ vi mô đến vĩ mô ,tất cả khi tồn tại trong tự nhiên đều tuân theo những quy luật nhất định .Những quy luật này chi phối tới cả quá trình hình thành và phát triển của mỗi sự vật hiện tượng

Và tất nhiên nền kinh tế thế giới nói chung và nền kinh tế Việt Nam nói riêng cũng không nằm ngoài quy luật đó.Theo thời gian ,nền kinh tế không ngừng biến đổi nólên tục phân chia và hình thành thêm nhiều thành phần tế mới có những định hướng khác ,có những đặc điểm và quy định riêng biệt đối với các thành viên tham gia trong nền kinh tế đó .Chúng giống nhau là nhìn bề ngoài tưởng như sản xuất và trao đổi hàng hoá là việc riêng của mỗi thành viên họ độc lập và hình như không chịu sự chi phối nào .Trên thực tế ,mọi người sản xuất và trao đổi hàng hoá đều chịu sự chi phối của quy luật giá trị .Đúng như Mac đã “ở đâu có sản xuất và trao đổi hàng hoá thì ở đó có quy luật giá trị” (1) hay nói cách khác nó chính là quy luật thống soái của nền kinh tế thị trường.Các quy luật khác chịu sự chi phối của quy luật này và một phần cũng biểu hiện những yêu cầu của nó:

Nền kinh tế hiện nay là nền kinh tế thị trường có tín hiệu nhảy bén nhất là giá cả mà giá cả lại chịu sự chi phối của quy luật giá trị vì thế nói quy luật giá trị có ảnh hưởng sâu sắc tới nền kinh tế là hoàn toàn phù hợp mang tính tất yếu.

Hơn thế nữa việc vận dụng các phương pháp và chuẩn mực dựa trên cơ sở quy luật giá trị trong việc tính toán hao phí lao động xã hội cần thiết ta



có thể định hướng được các kế hoạch kinh tế quốc dân .Nhờ đó mà ta có thể phân tích và có được những bước đi cụ thể cho nền kinh tế trong các thời kỳ tiếp theo

---

(1):Tur bản quyền III STH 1978 Tr.309

Bản thân quy luật giá trị biểu hiện sự ngang bằng giữa các tiêu chuẩn được dùng làm cơ sở để xây dựng quan hệ giữa những người sản xuất hàng hoá nó nói lên tính chất ngang giá của việc trao đổi giữa họ với nhau

Từ những điểm trên cho thấy việc chi phối các mặt của nền kinh tế thị trường bởi quy luật giá trị là vấn đề cơ bản tất yếu ,đã được thực tế kiểm nghiệm chứng minh và khẳng định!.

## 1.2 CÁC QUAN ĐIỂM VỀ QUY LUẬT GIÁ TRỊ

Quy luật giá trị là quy luật của kinh tế của sản xuất hàng hoá , ở đâu có sản xuất hàng hoá thì ở đó tồn tại quy luật này , dù là xã hội tư bản hay xã hội xã hội chủ nghĩa .Nó sẽ thể hiện những đặc điểm khác nhau tùy thuộc vào điều kiện và hoàn cảnh kinh tế chính trị của xã hội mà nó tồn tại .

Trong nền sản xuất hàng hoá dựa trên chế độ tư hữu về tư liệu sản xuất , những người sản xuất tách rời nhau mặc dầu được liên kết với nhau do sự phân công lao động xã hội – có sự đối kháng về lợi ích giữa họ với nhau , cũng như giữa họ với toàn xã hội ,trong đĩu kiện đó ,trao đổi những lượng lao động bằng nhau là phương thức duy nhất để thực hiện lợi ích kinh tế của người sản xuất . Còn trong nền sản xuất hàng hoá xã hội chủ nghĩa , chế độ công hữu về tư liệu sản xuất và tính chất lao động xã hội trực tiếp sinh ra từ chế độ sở hữu đó ,đã tạo sự nhất trí về lợi ích giữa mọi thành viên trong xã hội ,nhất trí về lợi ích cá nhân và tập thể những

người sản xuất ngay từ đầu đã ý thức rõ việc tiêu phí lao động riêng của mình với tư cách là một bộ phận của toàn bộ lao động xã hội. Quy luật giá trị dưới chủ nghĩa xã hội yêu cầu việc sản xuất và trao đổi hàng hoá phải tiến hành trên cơ sở hao phí lao động xã hội cần thiết, nhằm bảo đảm sự thống nhất giữa các lợi ích: lợi ích xã hội, lợi ích tập thể, lợi ích cá nhân

Sự thống nhất giữa các lợi ích này đã mang lại cho quy luật giá trị một nội dung định tính mới khác với quy luật giá trị trước nó: đó là sự kết hợp các lợi ích trong lượng giá trị. Theo yêu cầu của quy luật này, việc xác định đúng đắn thời gian lao động xã hội cần thiết có tầm quan trọng đặc biệt. Trong các xã hội dựa trên chế độ tư hữu về tư liệu lao động sản xuất, thời gian lao động xã hội cần thiết được hình thành một cách tự phát thông qua một con đường vòng xã hội trong trao đổi hàng hoá. Còn chủ nghĩa xã hội có thể kế hoạch hoá việc hình thành thời gian lao động xã hội cần thiết nó được nhận thức và xác lập từ trong quá trình sản xuất, nó được tính toán đầy đủ mối quan hệ giữa giá trị sử dụng và giá trị giữa các lợi ích kinh tế của cá nhân người lao động, của xí nghiệp, và của xã hội phù hợp với điều kiện kinh tế của xã hội trong từng thời kỳ:

“ Trong chủ nghĩa xã hội, dưới sự thống trị của chế độ công hữu xã hội chủ nghĩa tư liệu sản xuất, quy luật giá trị biểu hiện của quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa giữa người và người, hoạt động trong hệ thống quy luật của chủ nghĩa xã hội, trong mối liên hệ lẫn nhau giữa các quy luật đó và được sử dụng để quản lý có kế hoạch nền sản xuất “ (2)

Quy luật giá trị là trừu tượng, Nó thể hiện sự vận động của giá cả mà giá cả hàng hoá là biểu hiện bằng tiền của giá trị từ đó làm cho làm cho giá cả hàng hoá lên xuống xung quanh giá trị của nó. Mục quan niệm đó là “ vẻ đẹp của quy luật giá trị “ (3)





coi quy luật cung cầu là quy luật tạo thế cân bằng sản xuất , chi phối quyết định giá còn A.Smith lại quá đề cao tính tự do ,trật tự tự nhiên không thấy quy luật giá trị là trung tâm của cơ chế thị trường ngược lại Mac quan niệm quy luật cung cầu không quyết định về giá trị và giá cả hàng hoá được .Mac chứng minh rằng ngay cả khi cung cầu cân bằng nhau giá vẫn biến động.

Mặt khác cũng theo Mac quy luật giá trị là quy luật của kinh tế hàng hoá nên quy luật giá trị vẫn tồn tại trong chủ nghĩa xã hội vì ở đó vẫn tồn tại kinh tế hàng hoá . Xét theo góc độ đó quy luật giá trị là một quy luật chung tồn tại trong nhiều phương thức .Vì là quy luật chung, quy luật giá trị dưới chủ nghĩa xã hội cũng sẽ có những nội dung chung giống với các quy luật giá trị trong các phương thức sản xuất trước nó . Đồng thời phép biện chứng về cái riêng là cái toàn thể ,cái chung là cái bộ phận , cái chung nằm trong cái riêng lại cho phép khẳng định rằng quy luật giá trị dưới chủ nghĩa xã hội lại là một toàn thể vừa chứa đựng những nội dung chung giống nhau của các quy luật trước nó vừa chứa đựng cả những nội dung riêng phản ánh bản chất của quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa. Như vậy rõ ràng quy luật giá trị tồn tại trong chủ nghĩa xã hội Không phải là sự tái hiện nguyên vẹn của quy luật giá trị trước đó mà là một quy luật khác , quy luật giá trị của kinh tế hàng hoá xã hội chủ nghĩa ,quy luật của chủ nghĩa xã hội – giai đoạn đầu của chủ nghĩa cộng sản.

Trên cơ sở những quan điểm đó áp dụng với nền kinh tế Việt Nam hiện nay Đảng và nhà nước ta khẳng định :

Nền kinh tế nước ta hiện nay là nền kinh tế thị trường vì vậy tồn tại quy luật giá trị là tất yếu và chỉ có học thuyết Mac xít mới đặt đúng địa vị quy luật giá trị trong cơ chế thị trường (chủ nghĩa Mac vạch rõ thực chất cơ

chế thị trường là cơ chế phân phối tư bản phân phối lợi nhuận để tìm kiếm lợi nhuận tối đa cho giai cấp tư bản)

Nước ta tiến lên chủ nghĩa xã hội trong điều kiện hệ thống kinh tế xã hội chủ nghĩa thế giới lớn mạnh sự phân công quốc tế xã hội chủ nghĩa là điều kiện kinh tế quan trọng để phát triển kinh tế mỗi nước, chúng ta cần thiết và có đầy đủ khả năng tham gia vào sự phân công quốc tế đó. Yêu cầu của sự tham gia này là phát huy thế mạnh của mỗi nước, bổ sung vào sự phát triển toàn diện của tất cả các nước.

Với nền kinh tế sản xuất nhỏ là chủ yếu, khi tham gia vào sự phân công quốc tế này những mâu thuẫn của sản xuất hàng hoá gay gắt thêm. Trong điều kiện hàng hoá có hạn chúng ta phải phân phối sao cho hợp lý nhu cầu hàng hoá tiêu dùng trong nước với nhu cầu hàng hoá xuất khẩu theo sự phân công quốc tế để đạt được cân đối tối ưu

đó là một đòi hỏi khó khăn. Mặt khác sự giao lưu tăng tiến do phân công quốc tế mà có, tạo ra những nhu cầu ngày càng đổi mới và đa dạng, vượt quá khả năng đáp ứng được của nền sản xuất trong nước về mặt giá trị phát sinh mâu thuẫn giá cả hàng hoá trong nước với hàng hoá các nước thành viên. Vấn đề cần giải quyết để phát triển sản xuất hàng hoá nước ta nhằm đáp ứng quan hệ phân công hợp tác quốc tế này là phải quy hoạch lại, sản xuất kế hoạch hoá chặt chẽ, tập trung vào những trọng điểm để tạo nguồn hàng tham gia vào sự phân công và giải quyết nhu cầu trong nước. Sự hợp tác về mặt kế hoạch do vậy có tầm quan trọng đặc biệt trong sự phát triển kinh tế hàng hoá ở nước ta:

”Phát huy tác dụng của quy luật giá trị trong kinh tế xã hội chủ nghĩa, hạn chế tác động của các quy luật giá trị trong kinh tế không xã hội chủ nghĩa là yêu cầu của chính sách giá cả và quản lý thị trường ở nước ta trong thời kỳ quá độ “ (5)

Đảng ta cũng chỉ rõ : trong thời kỳ tiến lên xã hội chủ nghĩa do tồn tại ba loại quan hệ sản xuất hàng hoá nên quy luật giá trị tồn tại trong cả ba loại hình sản xuất đó , tuy nhiên cách thức biểu hiện lại khác nhau ,trong sản xuất hàng hoá giản đơn quy luật giá trị có yêu cầu là bảo đảm lợi ích cá nhân người lao động riêng biệt ,trong sản xuất hàng hoá tư bản chủ nghĩa quy luật giá trị có yêu cầu mang lại giá trị thặng dư càng nhiều càng tốt cho nhà tư bản . Trong sản xuất hàng hoá xã hội chủ nghĩa quy luật giá trị bảo đảm sự thống nhất hài hoà giữa các lợi ích xã hội , lợi ích tập thể và lợi ích người lao động làm chủ xã hội . Gắn liền với cuộc đấu tranh giữa ba loại hình sản xuất hàng hoá có cuộc đấu tranh giữa các quy luật giá trị . Đó là cuộc đấu tranh về giá cả trên thị trường đã làm nảy sinh hai khuynh hướng phát triển : ổn định và rối loạn , có kế hoạch và vô chính phủ , xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa.

Vấn đề đặt ra cho nước ta hiện nay là phải vận dụng quy luật giá trị trong kinh tế xã hội chủ nghĩa , hạn chế và hướng dẫn quy luật giá trị trong hai thành phần kinh tế phi xã hội chủ nghĩa

Đảng ta nêu rõ : “ trong giai đoạn hiện nay ở nước ta kinh tế xã hội chủ nghĩa không chỉ chịu tác động của quy luật kinh tế xã hội chủ nghĩa mà còn chịu tác động của các

---

(5) (6) Bài “vai trò quản lý của nhà nước về giá trong nền KTTT ở nước ta “Tr57 của PGS.PTS. TrầnHậu Thư NXBchính trị quốc gia 1994 quy luật giá trị trong các thành phần kinh tế không xã hội chủ nghĩa thể hiện ở việc một số xí nghiệp chạy theo giá cả thị trường không tổ chức , bán sản phẩm của mình với giá cao hơn giá quy định để thu về chênh lệch giá ,cho lợi ích riêng của xí nghiệp”(6)

Điều đó cho thấy Đảng và nhà nước đã đánh giá được toàn bộ tầm quan trọng của quy luật giá trị trong nền kinh tế của nước ta hiện nay

### 2.3 KINH NGHIỆM CỦA MỘT SỐ NƯỚC VỀ VIỆC VẬN DỤNG QUY LUẬT GIÁ TRỊ .

C ó thể nói Liên Xô là nước đi đầu trong hệ thống các nước xã hội chủ nghĩa về vấn đề công nghiệp hoá hiện đại hoá phát triển nền kinh tế và cũng là quốc gia đầu tiên hiểu rõ và áp dụng quy luật giá trị vào nền sản xuất , tuy không tránh khỏi những sai sót nhưng cũng đã để lại nhiều dấu ấn trong nền kinh tế nước Nga nói riêng và nền kinh tế thế giới nói chung Sau cách mạng tháng mười Nga thành công , chính quyền xô viết đã tranh thủ giải quyết những vấn đề cụ thể , cấp bách, củng cố chính quyền của giai cấp vô sản ,đặt nền móng cho việc xây dựng nền kinh tế xã hội chủ nghĩa.Để làm được điều đó nhất thiết phải tìm ra con đường đổi mới quy cách của nền kinh tế Nga lúc bấy giờ, và Đảng Cộng Sản đã chỉ ra :hướng đi đúng đắn và cần thiết lúc này là phát triển một nền kinh tế hàng hoá theo định hướng xã hội chủ nghĩa như thế cũng có nghĩa là phát triển một nền kinh tế tuân thủ theo những quy luật kinh tế xã hội chủ nghĩa mà dẫn đầu là quy luật giá trị

Trong thời kỳ chiến tranh việc bao cấp quy định giá đã đóng góp một vị trí quan trọng trong việc chiến thắng và xây dựng một nền kinh tế tự lực tự cường và phát triển của Liên Xô.Để đảm bảo sự thống nhất giữa lợi ích của cả xã hội ,của mỗi tập thể và của từng cá nhân Liên Xô đã tiến hành xây dựng một nền kinh tế dựa trên nền tảng của mô hình hợp tác hoá : mọi người cùng làm việc và cùng hưởng thụ thành quả đạt được, nói cách khác tư liệu sản xuất được nắm giữ chung bởi mọi thành viên tham gia vào quá trình sản xuấtvà giá cả là do nhà nước quyết định ền kinh tế nước Nga lúc này trở thành nền kinh tế cạnh tranh hoàn hảo , sự

phát triển chủ yếu dựa vào sự nỗ lực chủ quan của nhân dân Liên Xô trong quá trình công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa .Và kết quả là : “cho đến năm 1940 giá trị tổng sản lượng công nghiệp của Liên Xô đã gấp 7,7 lần so với năm 1923 ,nhịp độ tăng hàng năm là14% . Đến lúc đó lịch sử thế giới chưa biết đến nhịp độ phát triển nào như vậy . Trong cơ cấu công nông nghiệp, sản lượng công nghiệp đã chiếm 77,4% , sản lượng công nghiệp Liên Xô chiếm 10% sản lượng công nghiệp thế giới “(8)

---

(7) Bài “kinh tế Liên Xô “trong sách “Lịch sử kinh tế quốc dân “ Tr117 NXB giáo dục \_Hà Nội 2001

Sau khi phát xít Đức tấn công Liên Xô toàn bộ nền kinh tế chuyển sang phục vụ chiến tranh , trong thời gian này tuy công nông nghiệp có phần giảm sút nhưng vẫn đảm bảo cho nước Nga hoàn thành cuộc chiến bảo vệ tổ quốc và sau bốn năm chiến tranh nền kinh tế Liên Xô bị tàn phá rất nặng nề , nhà nước cộng sản và nhân dân Nga quyết định khôi phục và ổn định lại nền kinh tế. Đặc biệt chú trọng đến vấn đề giá cả và tiền tệ là những khía cạnh quan trọng của quy luật kinh tế xã hội chủ nghĩa ( quy luật giá trị ) để khắc phục việc đồng rúp đang mất giá và giá cả hàng hoá biến động sau chiến tranh năm 1947 cải cách tiền tệ được thực hiện (1 rúp mới ăn 10 rúp cũ ) do đó sức mua của đồng rúp được nâng lên và bình ổn được thị trường giá cả.” Sau bao nhiêu nỗ lực tính đến năm 1955 thu nhập quốc dân tăng gấp 17 lần so với năm 1913 , tiền lương thực tế tăng lên 4 lần , đời sống của nhân dân được cải thiện rõ rệt “(9).

Tuy nhiên bên cạnh những thành tựu , Liên xô cũng phạm phải những sai lầm đáng tiếc ,do các nhà lãnh đạo không nhanh nhạy nắm bắt thời cuộc

dẫn đến hiểu sai và áp dụng sai những nội dung của quy luật giá trị và kéo theo kết quả cuối cùng là sự sụp đổ của cường quốc thứ hai trên thế giới .

Sau khi thị trường Liên Xô cũ và các nước Đông Âu tan rã ,Việt Nam đã chuyển hướng buôn bán sang các nước Châu á , để có được mối quan hệ lâu dài và bền chặt thì cả hai phía phải hiểu rõ về nhau ,chính vì vậy trong phạm vi bài viết ngày hôm nay em xin được đề cập đến quá trình phát triển của một số nước châu á , đặc biệt là 3 nước : Nam Triều Tiên ,Nhật Bản , Singgapo ba “con rồng châu á”, để từ đó thấy được những thành công của họ đã đạt được như thế nào , liệu những kinh nghiệm của họ có phù hợp với tình hình kinh tế xã hội Việt Nam hay không ?

---

(8) (9) Bài “kinh tế Liên Xô “trong sách “Lịch sử kinh tế quốc dân “Tr119 NXB giáo dục –Hà Nội 2001

Trước hết chúng ta đề cập đến đất nước Nam Triều Tiên :

Đặc điểm nổi bật của đất nước này là “ phá vỡ nền kinh tế tự nhiên và mở rộng quan hệ hàng tiền tư bản chủ nghĩa “(10) trên cơ sở vận dụng quy luật giá trị theo định hướng tư bản chủ nghĩa tạo nên một nền kinh tế hàng hóa dựa trên chế độ tư hữu về tư liệu sản xuất .

Cho đến khi Đại chiến thế giới II kết thúc Nam Triều Tiên vẫn còn là thuộc địa của Nhật Bản và nền kinh tế bị phá huỷ nặng nề trong chiến tranh đến mức khó có thể gượng dậy được . Nhưng nền tảng cơ bản của nền kinh tế thị trường là khu vực kinh tế tư nhân và những quan hệ hàng hoá tiền tệ trong khu vực sản xuất đã xuất hiện trước đó , khi thực dân Nhật Bản xâm chiếm thuộc địa vùng này .

ở Nam Triều Tiên : “cho đến thế kỷ 19 , 84% nền kinh tế Triều Tiên vẫn còn nằm ở khu vực nông nghiệp và lâm nghiệp lạc hậu và quan hệ sản

xuất chủ đạo ở nông thôn là chủ nghĩa phong kiến trong đó dân cư chủ yếu là hai thành phần một bên là địa chủ cùng với các gia đình quý tộc trong vương triều với bên kia là tá điền . Phương thức bóc lột chủ yếu là phát canh thu tô .khái niệm tiền công còn xa lạ với các triều đại Triều Tiên cho đến khi Nhật áp đặt ách thống trị của họ vào năm 1910. ”(11)  
Chính sách thực dân hoá của Nhật Bản đã đặt dấu chấm hết cho triều đại phong kiến YI vốn suy tàn từ nhiều năm trước đó . Cùng với việc đưa khái niệm đất đai là hàng hoá Nhật còn đem đến cho người Triều Tiên biết đến khái niệm tiền lương

---

(10)(11) bài “Các nền kinh tế công nghiệp mới Châu á” của PGS.TSNguyễn Phú Trọng trên tạp chí Cộng Sản số 15 (8/2001) trang 4  
Và giá cả của hàng hoá sức lao động. Chính sách thuộc địa của Nhật Bản trên thực tế đã thúc đẩy những quan hệ hàng hoá tiền vốn tồn tại yếu ớt và còn ở mức độ hạn hẹp trong nền kinh tế Triều Tiên . Nói cách khác nước này đã tiếp thu những lý thuyết về vai trò chức năng của nền kinh tế thị trường được khởi sướng từ A.Smith cũng như những bổ xung thêm từ các nhà kinh tế lỗi lạc phương tây như Ricacdo và Keynes . Họ đề cao sự quan trọng của cung cầu nhưng đồng thời cũng chú trọng đến tác dụng điều tiết nền kinh tế hàng hoá của quy luật giá trị và ở đây là lấy sự bù đắp ngang giá làm chuẩn mực trong trao đổi , vì rằng sự trao đổi những lượng lao động bằng nhau là lợi ích cơ bản của chế độ sản xuất hàng hoá dựa trên chế độ tư hữu về tư liệu sản xuất ở nước này . Chính vì vậy:

Kinh tế tư nhân ở Triều Tiên chiếm một tỷ trọng lớn , mặt khác các nhà doanh nghiệp tư nhân này rất nhạy cảm với những biến động của thị trường và nhạy cảm nhận rõ vai trò điều tiết của quy luật giá trị đối với quá trình sản xuất trong doanh nghiệp của họ đó là trao đổi những lượng lao động bằng nhau là phương thức duy nhất để thực hiện lợi ích kinh tế của người sản xuất , điều đó đã góp phần thúc đẩy nền kinh tế của Nam Triều Tiên tăng trưởng không ngừng : “ cho đến năm 1982 khu vực kinh tế tư nhân chiếm 96% tổng sản phẩm trong nước của Nam Triều Tiên , gần 96% giá trị sản lượng công nghiệp chế biến do khu vực kinh tế tư nhân đảm nhiệm “(12) . Thế nhưng bên cạnh những thành quả đạt được nền kinh tế của Nam Triều Tiên cũng vẫn còn những mặt tồn tại đó là sự gia tăng của những bất đồng xã hội hớ sâu ngăn cách giữa giàu và nghèo ngày càng tăng tỷ lệ thất nghiệp cao , ô nhiễm môi trường . Tồn tại những hậu quả đó là do nước này đã áp dụng quy luật giá trị theo định hướng tư bản chủ nghĩa : không kết hợp lợi ích tư nhân với lợi ích tập thể và lợi ích xã hội

Nền kinh tế thứ hai cần nghiên cứu là nền kinh tế của đất nước Nhật Bản . Có thể nói nền kinh tế Nhật Bản là kết quả của những bước nhảy thần kỳ : phục hưng Minh Trị bắt đầu vào năm 1896 chuyển từ chính phủ Tokugaoa sang một chế độ hiện đại hoá với với một mục tiêu chính sách rõ ràng . Rút kinh nghiệm 250 năm khép kín và tự cô lập mình khiến nền kinh tế trì trệ lạc hậu đời sống thấp và bị các nước khác tiên tiến hơn đe dọa , chính phủ Minh Trị thấy không có cách nào khác hơn để phát Trion đất nước ngoài việc mở cửa chọn lọc với thế giới bên ngoài , xây dựng một đất nước , một nền kinh tế một xã hội theo mô hình của một xã hội dân chủ , một nền kinh tế thị trường , điều này tất nhiên phải kéo theo



việc nền kinh tế Nhật phải hoạt động hướng theo những quy luật của nền kinh tế tư bản chủ nghĩa .Sau chiến tranh thế giới thứ hai , từ kinh nghiệm cay đắng mà Nhật Bản phải gánh chịu trong chiến tranh do họ không thống nhất được mục tiêu quốc gia vào những năm 1930và 1940.Nhật Bản đã đề ra nguyên tắc từ bỏ vĩnh viễn việc đuổi kịp các quốc gia khác .Do xác định được một mục tiêu quốc gia thống nhất ,Nhật Bản đã có thể huy động và hướng được nguồn lực vật chất và tinh thần của đất nước vào việc thực hiện mục tiêu đó.

---

(12)”các nền kinh tế công nghiệp mới châu á “ của PGS.TSNguyễn Phú Trọng trên tạp chí cộng sản số 15(8/2001)Tr6

Thêm vào đó Nhật Bản đã phát triển một cơ sở hạ tầng toàn quốc như một cơ sở cho sự tăng trưởng kinh tế .Điều này gồm việc xây dựng các hệ thống giao thông vận tải -đường sắt ,bưu điện và điện báo trong suốt thời kỳ Minh Trị ,và cả việc tập trung vào các nguồn tài nguyên con người ,tức là duy trì một hệ thống giáo dục mạnh .Năm 1869, chính phủ đã quyết định xây dựng đường sắt ,và chỉ 3 năm sau năm 1872 ,tuyến đường sắt đầu tiên giữa Tôkyo và Yokohama đã đưa vào sử dụng .Những năm đó , tổng chiều dài đường sắt đã tăng khá nhanh, đường biển cũng được hiện đại hoá bằng cách nhập khẩu các tàu chạy bằng hơi nước từ phương Tây .Mạng lưới thông tin liên lạc cũng được hiện đại hoá bằng cách áp dụng các dịch vụ bưu điện và điện báo. Từ giữa những năm 1880 ,mặc dù các xí nghiệp nhà nước đã được tư nhân hoá ,nhà nước không còn can thiệp trực tiếp vào nền kinh tế ,song việc xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ phát triển kinh tế xã hội vẫn là trọng điểm hoạt động của chính phủ .

Ngoài cơ sở hạ tầng ,Nhật Bản còn liên tục tập trung phát Triển hệ thống giáo dục nhằm nâng cao dân trí và tạo ra một ddội ngũ công nhân làm nghề phục vụ cho phát Triển kinh tế .Sau Phục hưng Minh Trị ,nhà trường đã được ưu tiên mở khắp cả nước . Hệ thống giáo dục bắt buộc tới đầu thế kỷ 20 được kéo dài tới 6 năm và chiến tranh là 9 năm .Sách báo nước ngoài cần để truyền bá về chế độ mới rộng rãi ,nhiều học sinh được cử đi nước ngoài học tập bằng tiền nhà nước .Nhờ những nỗ lực đó ,hiện nay Nhật Bản được xếp xếp vào nước có học vấn hàng đầu thế giới .

Gắn liền với các yếu tố trên một lĩnh vực quan trọng khác mà bất kỳ một quốc gia nào muốn phát Triển không thể bỏ qua được đó là lĩnh vực công nghiệp. Chiến lược công nghiệp của nhật Bản bao gồm hai giai đoạn : một ,chính sách thay thế nhập khẩu hạn chế để bảo vệ các ngành công nghiệp còn non trẻ (chẳng hạn ,ô tô và điện tử )thông qua những hàng rào nhập khẩu ,sau đó phát triển thành một chiến lược tập trung vào việc xây dựng những thị trường xuất khẩu hay chiến lược tăng trưởng kinh tế do xuất khẩu dẫn dắt .Đó chính là thực tế sau chiến tranh ở Nhật Bản .Nó làm cho nền kinh tế Nhật Bản phát Triển không ngừng và đạt được những thành tựu to lớn “trong khoảng hơn 20 năm sau chiến tranh (1952-1973) ,nền kinh tế nhật Bản phát Triển với nhịp độ rất nhanh chóng .Nhiều nhà kinh tế thế giới coi đây là giai đoạn phát Triển”thần kì “của nền kinh tế Nhật Bản .”Từ một nước bị chiến tranh bị tàn phá nghiêm trọng ,Nhật Bản đã trở thành cường quốc kinh tế thứ hai trong thế giới tư bản (sau Mĩ).Từ năm 1950 đến 1960,tốc độ tăng tổng sản phẩm trong nước trung bình hàng năm của Nhật Bản là 8.5%,trong khi tốc độ tăng của Anh là 2.4% ,Mĩ:2.9%,Pháp:4.6% ;từ 1960-1969,Nhật Bản :10.8%,Anh:2.7%,Mĩ:4.8%,CHLB Đức :5.2So với năm 1950đến 1973

Đề án KTCT

giá trị tổng sản phẩm trong nước tăng hơn 20 lần ,từ 20 tỉ đô la lên 402 tỉ đô la , vượt Anh, Pháp ,CHLB Đức.

Tốc độ phát triển công nghiệp trung bình hàng năm thời kì 1950-1960:15.9%;1960-1969:13.5%/Giá trị tổng sản lượng công nghiệp tăng từ 4.1 tỉ đô la năm 1960 lên 56.4 tỉ đô la năm 1960.Đúng 100 năm sau cải cách Minh Trị (1868-1968), Nhật Bản đã dẫn đầu các nước tư bản về tàu biển ,xe máy ,máy khâu ,máy ảnh ,vô tuyến truyền hình ;đứng thứ hai về sản lượng thép, ô tô ,xi măng ,sản phẩm hoá chất ,hàng dệt ...”(13)

---

(13) Bài “nền kinh tế Nhật Bản “tr71 sách Lịch sử kinh tế quốc dân NXB giáo dục-1999

## CHƯƠNG II: THỰC TRẠNG VIỆC ÁP DỤNG QUY LUẬT GIÁ TRỊ VÀO NỀN KINH TẾ Ở VIỆT NAM

Mác từng khẳng định ở đâu có kinh tế sản xuất hàng hoá thì ở đó có quy luật giá trị hiện nay nền kinh tế nước ta đang trong giai đoạn hình thành và phát triển cơ chế thị trường cho nên việc vận dụng quy luật giá trị là một quan điểm tất yếu không tránh khỏi. Nền kinh tế Việt Nam đã trải qua nhiều giai đoạn khác nhau, quy luật giá trị lại được phát hiện và áp dụng theo nhiều cách khác nhau rất phong phú và đa dạng phù hợp đặc điểm của từng thời kỳ. Với cơ chế kế hoạch tập trung quan liêu bao cấp mà đặc trưng là nhà nước tiếp

điều khiển nền kinh tế bằng hệ thống các chỉ tiêu pháp lệnh: chỉ tiêu về sản lượng, về thu nhập, về nộp ngân sách và tiêu thụ, về vốn và lãi suất tín dụng ngân hàng... giá cả do nhà nước quy định thực chất cũng là một chỉ tiêu pháp lệnh mà giá cả lại là biểu hiện của quy luật giá trị. Chính vì vậy có thể nói trong thời kỳ này quy luật giá trị được áp dụng một cách cứng nhắc, áp đặt này vào nền kinh tế thông qua việc định giá theo những chỉ tiêu có sẵn mà không để ý đến thực trạng của nền kinh tế Việt Nam. Cho đến những năm 1964, ở miền Bắc, hệ thống giá chỉ đạo của Nhà nước đã được hình thành trên cơ sở lấy giá thóc sản xuất trong nước làm căn cứ xác định giá chuẩn và tỷ lệ trao đổi hiện vật. Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ 10 (khóa III) năm 1964, về công tác thương nghiệp và giá cả đã đánh giá: Hai hệ thống giá thu mua nông sản và giá bán lẻ hàng tiêu dùng đã được xây dựng tương đối hoàn chỉnh và cơ bản hợp lý, tỷ giá giữa hàng nông sản và hàng công nghiệp nói chung thể hiện được mối quan hệ lớn của nền kinh tế quốc dân.

Hệ thống giá này về cơ bản được thực hiện cho đến năm 1980 ,trong khi điều kiện sản xuất ,lưu thông ,thị trường trong nước và quan hệ kinh tế đối ngoại đã có những thay đổi lớn .Hệ thống giá chỉ đạo của nhà nước ngày càng thấp xa so với giá thị trường tự do .Việc duy trì giá mua nông sản thấp ,giá bán hàng công nghiệp cũng thấp nguyên nhân chủ yếu do kìm hãm sự phát triển sản xuất nông nghiệp ,sản xuất công nghiệp ,làm rối loạn phân phối lưu thông gây khó khăn cho ngân sách Nhà nước .Việc duy trì hệ thống giá này chủ yếu là do chúng ta có được sự viện trợ to lớn của Liên Xô, Trung Quốc và các nước Đông Âu trước đây.

Có thể khái quát quá trình diễn biến giá cả cho đến đầu năm 1991 như sau :Hầu hết hàng hoá và dịch vụ lưu thông trong xã hội đều theo chỉ đạo của Nhà nước ( ví dụ giá gạo 0.4đ/kg ,bán theo định lượng ). Suốt thời kỳ Nhà nước chỉ đạo giá cho đến trước cải cách giá năm 1981 trên thị trường có hai hệ thống giá :giá chỉ đạo của Nhà nước áp dụng trên thị trường có tổ chức và giá thị trường tự do biến động theo quan hệ cung cầu .Đặc điểm của giá chỉ đạo là không chú ý đến quan hệ cung cầu và gần như bất biến.

Cả giá chỉ đạo của Nhà nước và giá thị trường tự do đều không có quan hệ với giá thị trường thế giới .Tỷ giá ở khu vực áp dụng Từ NĂM 1958-1980 vẫn là 5.644đ/rúp (tỷ giá kết toán nội bộ) .Đây chính là cơ sở quan trọng để an định toàn bộ giá nội địa mà thực chất là sự bao cấp qua giá tư liệu sản xuất.

Các quan điểm cơ bản để chỉ đạo chính sách giá cả trong thời kỳ này:

1)Hệ thống giá trong nền kinh tế phải được chỉ đạo tập trung ,do Nhà nước quy định và đưa vào cuộc sống như những chỉ tiêu pháp lệnh của kế hoạch Nhà nước.

2)Giá cả phải được an định và Nhà nước chủ trương phấn đấu tạo điều kiện để hạ giá .

3)Quan hệ cung cầu chỉ có ảnh hưởng đến giá cả những hàng hoá không thiết yếu và không có vị trí quan trọng trong nền kinh tế .

4)Giá cả được xây dựng trên cơ sở giá thị trường trong nước làm căn cứ ,tách rời hệ thống giá quốc tế theo chủ trương xây dựng hệ thống giá độc lập ,tự chủ.

Thực tiễn phát triển kinh tế qua mấy thập kỷ qua cho ta thấy,khi đánh giá chính sách giá cả cần phải xem trọng hai yếu tố :

Một là mô hình cơ chế kinh tế và quản lý kinh tế kiểu cũ với những đặc trưng cơ bản của nó liên quan mật thiết đến các chính sách, đến sự hình thành giá cả trong hơn hai thập kỷ .

Hai là thực tiễn vận hành chính sách giá cả ,nhất là trong thời kỳ 1964-1975.

Yếu tố thứ nhất đã quyết định tính kế hoạch cao độ ,tính tập trung ,pháp lệnh của chính sách giá cả.Yếu tố thứ hai có tác động nổi bật yêu cầu ổn định lâu dài hệ thống giá.

Song ,điều đáng chú ý là từ những năm 1975 ,sau ngày miền Nam được giải phóng ,cùng với quá trình thống nhất đất nước về chính trị và quân sự ,việc thống nhất về thể chế kinh tế cũng được xúc tiến và được khẳng định trong Nghị quyết Đại hội Đảng lầnIV tháng 12năm 1976 .Quá trình thống nhất về thể chế kinh tế trong cả nước ,trên thực tế là sự dập khuôn gần như toàn bộ thể chế kinh tế đã tồn tại trước đó ở miềnBắc .Để thực hiện được thể chế kinh tế thống nhất đó ,đòi hỏi phải tiến hành ở miền Nam các cuộc cải tạo công thương nghiệp tư bản tư doanh với quy mô rộng khắp nhằm quốc hữu hoá các cơ sở công thương nghiệp tư nhân

, xoá bỏ tư thương tổ chức lại thị trường theo hướng quốc doanh , hợp tác xã và tổ hợp , tiến hành hợp tác xá nông nghiệp với mức độ khác nhau .

Như vậy , lịch sử phát triển kinh tế nước ta một lần nữa lại lặp lại thời kỳ trì trệ , bảo thủ . Sự thống nhất đất nước , đáng lẽ phải mở ra một thời kỳ mới , phát huy cao độ các động lực nền kinh tế hàng hoá và làm cho chúng trở thành đòn bẩy mạnh mẽ thúc đẩy nền kinh tế đi lên . Song thực tế đã không diễn ra như vậy . Trong thời kỳ 1976-1980, khi chiến tranh đã chấm dứt , cả nước chuyển sang nhiệm vụ xây dựng kinh tế làm trọng tâm thì cơ chế giá “thời chiến” không còn lý do tồn tại .

Trước đây , chúng ta đã mắc sai lầm khi cường điệu tính hợp lý của hệ thống giá mua , giá bán lẻ và giá tư liệu sản xuất nhập khẩu với tỷ giá kết toán nội bộ 5.644 đồng / rúp mậu dịch , được định ra ngay sau khi kháng chiến chống Pháp thắng lợi .

Trong giai đoạn này , cùng với việc thống nhất thể chế kinh tế , nhiều vấn đề mới nảy sinh .

Đất nước thống nhất đã tạo ra niềm phấn khởi lạc quan cả về chính xã hội và kinh tế . Tuy nhiên , những khó khăn mới cũng xuất hiện . Trước hết là sự thiếu hụt nguồn tài trợ , sự bùng nổ về tiêu dùng , về công ăn việc làm đã bị dồn nén qua nhiều năm chiến tranh .

Cuộc cải tạo công thương nghiệp tư bản tư doanh ở các tỉnh phía Nam trên thực tế không thu được kết quả mong muốn . Một bộ phận của khu vực kinh tế này đã được quốc doanh hoá và tập thể hoá , nhưng hiệu quả rất thấp . Một bộ phận khác tiếp tục tồn tại và phát triển thông qua thị trường tự do , trong đó một bộ phận đã chuyển thành kinh tế ngầm . Thị trường tiếp tục bị phân hoá mạnh , hàng hoá ngày càng khan hiếm , chủ nghĩa vị bản , cục bộ phát triển mạnh cùng với cơ chế cấp phát vật tư

,tiền vốn theo chỉ tiêu kế hoạch đã kính thích các địa phương hình thành hàng loạt tổ chức kinh tế quốc doanh ,hoạt động bất chấp hiệu quả kinh tế ,nhằm bòn rút ,giành giật vốn liếng từ trung ương để kinh doanh ,mua đi bán lại ăn giá chênh lệch giá ,stăng thêm nguồn thu cho ngân sách địa phương .Để bảo vệ lợi ích cục bộ ,chính quyền địa phương đã sử dụng các biện pháp hành chính nhằm “ngăn sông ,cắm chợ “ ,chia cắt thị trường theo địa giới hành chính ,làm cho hàng hoá ,tiền tệ bị ách tắc nghiêm trọng .”Theo số liệu thống kê thời kỳ này ,mức tăng trưởng bình quân của công nghiệp nói chung chỉ đạt 0.6%năm .Nền kinh tế bước vào giai đoạn suy thoái nghiêm trọng ,lợi tức đầu tư giảm sút .Tổng giá trị đầu tư tăng bình quân 5.7%năm ,riêng đầu tư cho công nghiệp tăng 14%, nông nghiệp -0.9%, lâm nghiệp -11.8%; trong đó tổng sản phẩm xã hội chỉ tăng bình quân -1.4% .tổng hàng hóa bán lẻ giảm 3.5%năm ,xuất khẩu không đáng kể .Cơ cấu đầu tư vẫn thực hiện theo nguyên tắc cũ là yêu tiên phát Triển công nghiệp nặng ,mà chủ yếu là công nghiệp hướng nội .Tỷ trọng vốn đầu tư cho công nghiệp nặng chiếm 42-48%;nông nghiệp -19-20% ;công nghiệp nhẹ và công nghiệp chế biến chỉ chiếm 10-11%” (14) .Cơ cấu đầu tư như vậy không tận dụng được tiềm lực tài nguyên và nguồn nhân lực phong phú của đất nước ,và cũng như kỹ thuật tiên tiến của thế giới ,do đó càng đầu tư thì hiệu quả càng giảm sút ,tình trạng thiếu vốn ,thiếu hàng hóa ,thiếu công ăn việc làm ngày càng gay gắt .

Cùng với việc các tổ chức kinh tế quốc doanh địa phương mọc lên nhanh chóng ,bộ máy hành chính kinh tế từ trung ương đến tỉnh ,huyện ,xã đã phình lên ,tạo ra tình trạng thừa người thiếu việc làm nghiêm trọng .Trong kinh tế quốc doanh và trong bộ máy Nhà nước hình thành hệ



thống quan liêu mà cho đến ngày nay vẫn còn là gánh nặng đối với toàn bộ nền kinh tế .

Việc duy trì chính sách tài chính ,tín dụng ,chính sách giá cả và tiền lương theo kiểu cấp phát ,giao nộp hiện vật bình quân của nền kinh tế thời chiến gây ra tác hại nghiêm trọng đối với nền kinh tế .Đồng thời cũng xuất hiện mức chênh lệch ngày càng lớn giữa mặt bằng giá do Nhà nước quy định và mặt bằng giá thị trường tự do ,trong đó giá thị trường tự do cao gấp 7-8lần giá do Nhà nước quy định.

Trên thực tế ,sự đánh giá quá cao tiềm năng kinh tế của miền Nam sau ngày giải phóng ,vận dụng một cách duy ý chí cơ chế kinh tế cũ trên phạm vi cả nước và những sai lầm trong chính sách đầu tư ,trong cải tạo kinh tế tư nhân đã làm đảo lộn kế hoạch phát triển năm năm 1976-1980 .: “ chỉ tiêu về kế hoạch sản lượng lương thực dự định đến năm 1980 là 21 triệu tấn nhưng chỉ đạt 14triệu tấn ,bằngđ 69% than đạt 52% ,gỗ 45% ,điện 72% ,xi măng 32% ... các mục tiêu cải thiện đời sống và

---

(14) cuốn “Vai trò của nhà nước về giá trong nền kinh tế thị trường ở nước ta “ của PGS.PTS Trần Hậu Thự Tr30 NXBchính trị quốc gia 1994

nâng cao phúc lợi xã hội không thực hiện được tiềm lực phát triển bị kìm hãm ,động lực kinh tế bị vô hiệu hoá “(15)

Đời sống của nông dân ,công nhân viên chức lực lượng vũ trang giảm sút nghiêm trọng . Thực trạng kinh tế đó đã làm lung lay các các tư tưởng cổ đĩn và làm xuất hiện những ý tưởng cải tạo đầu tiên trên một số lĩnh vực

kinh tế nóng bỏng nhất như chính sách giá cả , cơ chế kế hoạch hoá chính sách tài chính

chính sách đầu tư và hiệu quả kinh tế quốc dân , Nhiều cuộc tranh luận đã diễn ra khá sôi động . Hai vấn đề trọng tâm đã được đề cập trong nghị quyết hội nghị Trung ương Đảng lần thứ 6 là nâng cao hiệu quả kinh tế của sản xuất và hạn chế một bước cơ chế quản lý hành chính tập trung , chú ý hơn đến sản xuất công nghiệp nhỏ sản xuất hàng tiêu dùng ở các địa phương thừa nhận kinh tế tư nhân và thị trường tự do như một thành phần của nền kinh tế quốc dân và thị trường xã hội . Nhờ đó , kinh tế tư nhân , nhất là công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp được phục hồi và phát triển một bước , thị trường trở nên sôi động hơn . Tuy nhiên trong khu vực kinh tế quốc doanh , tình hình vẫn còn khó khăn trì trệ , sản xuất tiếp tục giảm sút . cuối năm 1980 chính phủ đã đưa ra quyết định 96-cp về bãi bỏ chế độ giao nghĩa vụ nộp nông sản theo giá thấp và chuyển sang thu mua theo hợp đồng kinh tế hai chiều . Đồng thời cho phép nông dân bán nông sản thừa theo giá thỏa thuận thay thế việc mua theo giá khuyến khích . Tuy nhiên chính sách này chưa phát huy tác dụng ngay trong năm 1980 mà phải sau đó một năm mới thực sự có tác động tốt

Cần phải nói thêm rằng , những tư tưởng cải cách của nghị quyết hội nghị trung ương 6 ( 9/1970) chỉ mới là tiếng chuông thức tỉnh đầu tiên đối với nền kinh tế . Các biện pháp chưa đụng chạm đến thể chế kinh tế và về cơ bản vẫn như cũ . Kế hoạch nhà nước vẫn tiếp tục quy định hàng loạt các chỉ tiêu pháp lệnh về cung ứng vật tư kỹ thuật , cung ứng vốn và giao nộp sản phẩm , trong thu mua nông sản vẫn do nhà nước quy định với tỷ lệ thấp xa so với thị trường tự do

Nói tóm lại , Nghị quyết trung ương 6 đã đánh dấu một bước chuyển căn bản về nhận thức và tư duy mới đối với công cuộc cải cách kinh tế ở

nước ta , vạch ra phương hướng thay đổi chính sách và cơ chế kinh tế , trong đó lấy việc thay đổi căn bản chính sách giá cả và tiền lương là bước đột phá .

---

(15) cuốn “vai trò quản lý của nhà nước trong nền KTTTở nước ta “ Tr 32 của Trần Hậu Thự NXBchính trị quốc gia 1994

Đây chính là bước đầu trong việc vận dụng một cách sáng tạo hơn quy luật giá trị để đạt được những hiệu quả cụ thể hơn mở đầu cho quá trình đổi mới đất nước.

Tiếp tục những tư tưởng của hội nghị trung ương 6 , sau năm 1981 nước ta đã có hàng loạt những cuộc cải cách nhằm dduwa nền kinh tế phát Trion theo một hướng mới . Đảng ta đã thẳng thắn nhận biết và phê phán những sai lầm trong những chính sách kinh tế thời kỳ trước . , phê phán và yêu cầu sửa đổi chính sách và hệ thống giá hiện hành , phê phán tư tưởng kinh tế “ phi thị trường “ chỗ dựa lâu dài và vững chắc của hệ thống giá lúc đó . Việc đổi mới này đã bắt đầu tạo lập nền móng cho sự chuyển biến từ tư duy giá cả phi thị trường sang tư duy giá cả thị trường . Nó đã tiến hành điều chỉnh giá để kích thích sản xuất , tiến tới cải cách toàn bộ hệ thống giá của nhà nước theo hướng làm cho giá cả phản ánh đầy đủ chi phí hợp lý về sản xuất và lưu thông , đảm bảo cho người sản uất có lợi nhuận thoả đáng . Giá cả phù hợp với sức mua của đồng tiền và có tính đến giá cả trên thị trường thế giới của hàng nhập , xoá bỏ những bù lỗ bất hợp lý của nhà nước và chấm dứt tình trạng xí nghiệp sản xuất kinh doanh bị lỗ vốn do nhà nước quy định giá không chính xác . Tiếp tục xây dựng nền kinh tế nhiều thành phần và đổi mới quản lý kinh tế : nỗ lực phát huy thế mạnh của các thành phần kinh tế , vừa cạnh tranh vừa

hợp tác bổ xung cho nhau trong nền kinh tế quốc dân . Để thực hiện được điều đó Đảng ta quyết định khẩn trương sắp xếp lại và đổi mới quản lý kinh tế quốc doanh phát Triển có hiệu quả nắm vững những lĩnh vực và ngành then chốt để phát huy hiệu quả trong nền kinh tế . Tiếp tục đổi mới và kiện toàn kinh tế tập thể theo nguyên tắc tự nguyện , dân chủ , bình đẳng phát huy và kết hợp hài hoà sức mạnh của tập thể và xã viên.

Bên cạnh đó kinh tế tư nhân vẫn tiếp tục phát Triển , đặc biệt trong lĩnh vực sản xuất , theo sự quản lý của nhà nước .. hướng kinh tế tư bản tư nhân phát Triển theo con đường tư bản nhà nước dưới nhiều hình thức . Từng bước hình thành và mở rộng đồng bộ các thị trường hàng tiêu dùng , tư liệu sản xuất , dịch vụ ... tiếp tục đổi mới và hoàn thiện công cụ quản lý vĩ mô trọng yếu của nhà nước . Xây dựng các chính sách tài chính quốc gia và thực hiện cải cách cơ bản tài chính nhà nước theo hướng thúc đẩy khai thác tiềm năng tự nhiên của các tầng lớp nhân dân , vừa tích tụ vốn ở đơn vị kinh tế vừa đảm bảo nguồn vốn tập trung của nhà nước. Sau hàng loạt những công tác cải tiến trên nền kinh tế Việt Nam đã đạt được những thành tựu đáng kể :

“ Tính trung trong năm năm , GDP tăng hàng năm 5.2% (trong thời kỳ 1986-1990) và 8.2% ( 1991-1995) kế hoạch đề ra là 5.5-6.5% . Cũng trong 5 năm (1991-1995 ) hàng năm nông nghiệp tăng 4.5% , công nghiệp tăng 13.5% kim ngạch xuất khẩu tăng 20% . Trong sản xuất nông nghiệp có một kết quả nổi bật là sản lượng lương thực quy ra thóc đã tăng nhanh từ 21.5 triệu tấn (1990) lên 27.5 triệu tấn (1995) “ (16)

“ tỷ trọng công nghiệp và xây dựng cơ bản trong GDP đã tăng từ 22.6% (1990) lên 30.3% (1995) tỷ trọng dịch vụ từ 38.6% lên 42.5% “(17)

### 2.1.2 NHỮNG ƯU ĐIỂM VÀ CÁC MẶT CÒN TỒN TẠI

Trong quá trình phát triển kinh tế tiến lên chủ nghĩa xã hội, nền kinh tế Việt Nam đã đạt được những thắng lợi bước đầu hết sức to lớn đó không chỉ biểu hiện ở những con số phản ánh quá trình tăng trưởng mà còn thể hiện ở sự khăcs phục được sự tách rời người lao động khỏi tư liệu sản xuất nên đảm bảo được tính tập thể của việc tổ chức nền sản xuất xã hội. Đó là do biết vận dụng chức năng tổ chức xã hội của quy luật giá trị. Bên cạnh đó do biết kết hợp giữa lợi ích của cá nhân với lợi ích kinh tế của tập thể và toàn xã hội nên việc thực hiện công bằng xã hội kích thích nỗ lực nâng cao hiệu quả kinh tế và chất lượng công tác, đời sống của nhân dân tiếp tục được cải thiện và nâng cao.

Việc định hướng nền kinh tế và tiêu chuẩn hoá nền kinh tế đã chỉ ra những mục tiêu xác thực cụ thể cho từng bước tiến của nền kinh tế. Bên cạnh đó ta cũng phải nhận mạnh tới những thuận lợi trong quá trình cải cách kinh tế ở Việt Nam hiện nay đó là cùng với xu thế phát triển kinh tế thế giới Việt Nam tiến hành cải cách đồng thời với nhiều nước nằm trong một vùng tăng trưởng nhanh (NICs, ASEAN), nên có thể học hỏi được nhiều ưu điểm một vấn đề nữa cần đề cập là sự nhanh nhạy của Đảng và nhà nước ta trong quá trình đổi mới cách thức quản lý và định hướng nền kinh tế sao cho phù hợp với từng thời kỳ.

---

(16)(17) Bài “kinh tế Việt Nam thời kỳ cả nước cùng xây dựng XHCN1976-1995 “ tr332-333 trong sách lịch sử kinh tế quốc dân NXB giáo dục 1999

Tuy nhiên bên cạnh những thành công còn tồn tại những mặt hạn chế : đó là sự vận dụng dập khuôn những quy luật kinh tế , đôi khi cách nhìn nhận vấn đề còn lúng túng, quẩn quanh .Nền kinh tế nước ta vẫn còn mang nặng dấu ấn của nền kinh tế nông nghiệp lạc hậu và chưa thực hiện tốt cần kiệm trong sản xuất , tiết kiệm trong tiêu dùng , nền kinh tế phát triển khá nhưng chất lượng và hiệu quả còn thấp . Vai trò của nhà nước đối với nền kinh tế còn yếu nên khả năng quản lý chưa được bao quát

Nói tóm lại trong quá trình vận dụng quy luật giá trị vào nền kinh tế Việt Nam tuy còn có nhiều sơ suất nhưng cũng đã đạt được những hiệu quả nhất định ếu có thể hạn chế những thiếu sót , phát huy những thành quả đã đạt được thì chắc chắn trong tương lai không xa nền kinh tế Việt Nam sẽ phát triển đuổi kịp các nước trong khu vực cũng như trên thế giới

## 2.2 NHỮNG GIẢI PHÁP CHO VIỆC VẬN DỤNG QUY LUẬT GIÁ TRỊ VÀO NỀN KINH TẾ VIỆT NAM

Để trong thời gian tới quá trình vận dụng quy luật giá trị vào nền kinh tế Việt Nam không còn gặp những khó khăn trở ngại thì Đảng và nhà nước ta phải thực hiện được những yêu cầu sau :

Việc vận dụng bên cạnh kế thừa cũng phải có sự sáng tạo để thực sự phù hợp với hoàn cảnh và điều kiện của nền kinh tế nước ta vốn là nước đi lên CNXH không qua trung gian là TBCN , nền kinh tế còn mang nặng tính nông nghiệp lạc hậu .

Điều cần thiết thứ hai là phải tăng cường liên kết các quan hệ hàng hoá tiền tệ với các quan hệ xã hội . Nâng cao nhận thức và trình độ của con

người vì đội ngũ vận dụng quy luật giá trị vào sản xuất là điều quan trọng nhất. Nhận thức của con người mới quyết định vai trò và hiệu quả của quy luật giá trị đối với nền kinh tế thị trường

Vấn đề đặt ra là phải vận dụng quy luật giá trị trong kinh tế xã hội chủ nghĩa, hạn chế và hướng dẫn quy luật giá trị trong hai thành phần kinh tế phi xã hội chủ nghĩa

Chính sách giá cả, chính sách và biện pháp quản lý thị trường phải nhằm tạo điều kiện phát huy cao độ tác dụng của quy luật giá trị trong kinh tế xã hội chủ nghĩa hạn chế tác dụng của quy luật giá trị trong hai thành phần kinh tế phi xã hội chủ nghĩa.

Trong giai đoạn hiện nay ở nước ta kinh tế xã hội chủ nghĩa không chỉ chịu ảnh hưởng của quy luật kinh tế xã hội chủ nghĩa, mà còn chịu tác động của các quy luật giá trị trong các thành phần kinh tế không xã hội chủ nghĩa. Vì vậy hạn chế một số xí nghiệp chạy theo giá cả thị trường không tổ chức, bán sản phẩm của xí nghiệp ra thị trường đó với giá cao hơn hoặc tìm mọi cách nâng giá cao hơn giá quy định để thu về chênh lệch giá cho lợi ích riêng của xí nghiệp cũng là một vấn đề cần thiết sớm phải thực hiện.

### III KẾT LUẬN

Nền kinh tế nước ta đang trong quá trình chuyển biến sâu sắc từ kinh tế chỉ huy sang kinh tế thị trường có sự quản lý của nhà nước. Sự đổi mới tư duy kinh tế của Đảng và nhà nước ta thể hiện trong các chính sách và cơ chế quản lý kinh tế đã phát huy được những động lực to lớn của nền kinh tế mới đối với sự phát triển của đất nước. Đặc biệt sự đổi mới về

cả nhận thức lý luận lẫn công tác điều hành thực tiễn trên lĩnh vực áp dụng quy luật giá trị định hướng XHCN vào nền kinh tế đã góp phần đáng kể vào những thành quả kinh tế chung .

Thực tiễn những năm qua chứng tỏ rằng quy luật giá trị với những biểu hiện của nó như giá cả , tiền tệ , giá trị hàng hoá .. là lĩnh vực tác động hết sức nhanh nhạy và lớn lao tới đời sống kinh tế xã hội của đất nước ảng và nhà nước ta đã nhận thức đúng đắn về vấn đề này và đã thực hiện nhiều cuộc cải cách kinh tế tuân theo những nội dung của quy luật giá trị nhằm hình thành và phát Triển một nền kinh tế hàng hoá XHCN đa dạng và hiệu quả và đã đạt được những hiệu quả nhất định

Bên cạnh đó việc sụp đổ của nền kinh tế Liên Xô và các nước Đông Âu cũng là một thực tế cho thấy quan niệm về giá trị giá cả mà các nước đó đã từng áp dụng có rất nhiều nhược điểm và do đó không thể là cơ sở lý luận cho chính sách điều tiết nền kinh tế ở nước ta . Nhưng những lý thuyết giá trị củaking tế học phương tây mặc dù có những ưu điểm nhất định nhưng cũng có nhiều khiếm khuyết đặc biệt trong quan điểm về cơ sở khách quan của giá cả . Cách duy nhất để có được cơ sở lý luận đúng đắn cho chính sách phát Trion kinh tế ở nước ta là dựa trên nguyên lý cơ bản của lý luận giá trị , tiếp tục phát Triển nó cho phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ mới , làm giàu nó bởi chính những thay đổi cho phù hợp với điều kiện kinh tế của nước mình.

Tóm lại quá trình phát Triển kinh tế là một quá trình lâu dài , đòi hỏi gặt gao việc áp dụng đúng đắn các quy luật kinh tế , trong thời gian qua tuy đôi lúc sự vận dụng đó của nước ta còn chưa quán triệt nhiều khi là sự quần quanh ,dập khuôn nhưng bên cạnh đó ta cũng đã đạt được nhữngtiếnbộ nhất định má nếu tiếp tục phát huy thì trong tương lai không xa chúng ta sẽ có một nền kinh tế XHCNphát Triển và thịnh vượng



Đề án KTCT

**TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Tạp chí cộng sản số 15(tháng 8-2001)
2. Tư bản quyền 3, ST,H,1978
3. Vai trò quản lý của nhà nước về giá trong nền kinh tế thị trường ở nước ta – Trần Hậu Thự
4. Sách lịch sử kinh tế quốc dân – NXBGD 1999-
5. Paul A.samuelson và William Dordhaus: Kinh tế học, Viện quan hệ quốc tế, 1990
6. Nguyễn Tiến Hoàng: HDI – tiêu chí cho phát triển ; T/C “Quốc tế”, số 49/50(tháng 11/12)/1993
7. Nguyễn Tiến Hoàng: Học thuyết giá trị của C.Mác trong thời đại hiện nay; Học viện CTQGHCM, Trung tâm TT-TL, H;1993